

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (không bao gồm đất trồng lúa) khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, gồm: Lán, trại; công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (trừ trường hợp sử dụng đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 182 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và quy định pháp luật khác có liên quan).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam hoặc hộ gia đình, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi là công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

2. Lán là công trình tạm thời, đơn giản nhằm phục vụ nhu cầu tạm trú, nghỉ ngơi ngắn hạn hoặc trông coi sản xuất của người lao động trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

3. Trại là công trình có quy mô lớn hơn lán, được xây dựng để phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp thường xuyên.

4. Kho để phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản, chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động là công trình được xây dựng trên đất nông nghiệp nhằm lưu trữ, xử lý ban đầu và bảo quản các yếu tố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp.

5. Trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp là hoạt động bố trí, sắp xếp và cung cấp thông tin về các sản phẩm nông nghiệp tại một địa điểm cụ thể nhằm quảng bá, giới thiệu đến người tiêu dùng, đối tác hoặc khách tham quan.

Điều 4. Diện tích đất, điều kiện xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi

1. Người sử dụng đất nông nghiệp (không bao gồm đất trồng lúa) được sử dụng một phần diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

2. Diện tích đất nông nghiệp (không bao gồm đất trồng lúa) được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, cụ thể như sau

a) Diện tích thửa đất từ 1.000m² đến dưới 3.000m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 20m²;

b) Diện tích thửa đất từ 3.000m² đến dưới 5.000m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 30m²;

c) Diện tích thửa đất từ 5.000 m² đến dưới 10.000 m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50m²;

d) Diện tích thửa đất từ 10.000m² trở lên được sử dụng tối đa 1,0% diện tích đất để xây dựng công trình, nhưng không vượt quá 500m².

3. Điều kiện xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

a) Không làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, công trình đê điều, công trình giao thông, diện tích đất sản xuất nông nghiệp liền kề;

b) Công trình được xây dựng 01 tầng, không được xây dựng tầng hầm; công trình chỉ phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp;

c) Diện tích đất xây dựng công trình theo quy định tại khoản 2 Điều này được thống kê là đất nông nghiệp theo loại đất đã được xác định tại các loại giấy tờ đất theo quy định;

d) Tuân thủ các quy định về điều kiện khi sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định tại khoản 2 Điều 218 Luật Đất đai 2024;

đ) Việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất nông nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Người sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này khi có nhu cầu xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trong trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có đất.

2. Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của ngành hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp vi phạm pháp luật trên đất thuộc địa bàn quản lý.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau

a) Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

b) Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL-BTP;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các đơn vị trực thuộc VP;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin điều hành (đăng Cổng TTĐT, Công báo tỉnh);
- Lưu: VT, 57. KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện